

Thành Thực Luận [成實論]
Ha Lê Bạt Ma tạo
Dao Tần Cưu Ma La Thập dịch
Dịch giả Thích Trí Nghiêm

PHÂN DUYÊN KHỞI

Trong nhóm phát tụ trước phẩm luận Phật-Bảo cụ-túc thứ I
Đáng đáng lễ lễ trước,
Bậc Chánh-trí tự-nhiên,
Nhất-Thiết Trí nên cúng.
Đại-Sư lợi thế-gian
Cũng lễ Pháp chơn tịnh,
Và chúng Đệ tử Phật.
Nay muốn giải lời Phật,
Lợi ích cho người đời.
Luận phải theo Khế-kinh,
Chẳng trái tướng thật-pháp.
Cũng vào trong thiện-tịch,
Thế là luận Chính-trí.
Ví như mặt trời trắng,
Tính nó vẫn trong sáng,
Mây, bụi, mù các thứ,
Che mù trời chẳng hiện,
Tà-luận che chính kinh,
Nghĩa kinh chẳng soi sáng,
Vì nghĩa kinh chẳng sáng,
Cửa tà-trí mở khai,
Bị tội tiếng ác đồn,
Lòng ăn-năn mệt mỏi...
Các suy-não loạn tâm,
Đều bởi tà-trí sinh.
Nếu ai muốn trừ dứt,
Tội ác và suy não,
Phải tìm học Chính-luận
Nên gần kẻ thâm trí:
Gần gũi kẻ thâm trí,
Là cội gốc chính-luận,
Vì nhờ chính-luận này,

Năng sinh các phước tốt.
Dù người có trí lanh,
Tụng trăm ngàn tà luận,
Giữa chúng chẳng được gì ;
Muốn tiếng đồn biện-tài,
Hiểu Phật-Pháp đệ nhất,
Nói ra được quả vui.
Muốn chánh-pháp lâu còn,
Chẳng vì tiếng đồn khen,
Rộng học các dị-luận,
Hiểu hết ý kẻ-trí
Muốn tạo Thật-luận này,
Duy Nhất-Thiết-Trí biết.
Các Tỳ-kheo dị-luận,
Nhiều thứ Phật đều cho.
Nên tôi muốn chánh-luận,
Thật nghĩa trong Tam-tạng,
Là giờ đây thuyết minh:

Hỏi: Tôi nay muốn biết Ngài sẽ thuyết minh Thành-thật luận. Trước Ngài đã nói “Đáng đáng lễ lễ trước” có phải là Đức Phật không? Vì có gì gọi là Phật? Và đã thành tựu những công đức chi mà đáng lễ?

Đáp: Đức Phật gọi là bậc người tự nhiên, đem Nhất-Thiết-Chủng-Trí biết tất cả tự-tướng của các pháp sai khác; lia tất cả điều chẳng lành; nhóm tất cả **điều** lành; thường cầu lợi-ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Phật. Nói ra giáo pháp để giáo hóa, thời gọi là Pháp. Ai tu hành Pháp ấy thì gọi đó là Tăng, Tam-bảo có công đức như thế là lý do đáng lễ. Tôi nay sẽ nói Đức Phật có năm phẩm công đức đầy đủ, nên được người đời và người trời kính trọng.

Hỏi: Có các vị Thánh nhân khác cũng vẫn có năm phẩm công đức ấy cùng Đức Phật có khác chi?

Đáp: Năm phẩm pháp của Phật đầy đủ thanh-tịnh. Tại vì sao? Vì thân khẩu các nghiệp không còn lầm lộn vạy.

1.- Giới phẩm đầy đủ: Lại Đức Phật chẳng còn lầm phạm cấm giới, huống là cố phạm. Lại Đức Phật đã lâu đời chứa nhóm lòng từ bi nên ác tâm chẳng phát sinh được. Như trong kinh nói Đức Phật bảo A-Nan rằng: “Nếu có người tu lòng Từ từ thuở nhỏ

thì lòng ác có thể sinh khởi được không? Dạ thưa Thế-Tôn không thể khởi được." Đức Phật đã lâu đời chứa nhóm thiện tính, chẳng vì e sợ tiếng đồn phải tự giữ gìn cấm giới. Lại Phật ở trong vô lượng chỗ các Đức Phật lâu tu giới hạnh, đã nhổ gốc gốc ba món độc, hẳn không còn mầm rễ. Bởi các lý do ấy nên giới phẩm đầy đủ.

2.- Định phẩm đầy đủ: Là Đức Phật y theo Định này nên được Nhất-Thiết-Trí. Bởi lẽ đó nên biết định phẩm đầy đủ. Như dầu mỡ nhiều, tim đèn lớn thì ánh sáng cũng lớn. Lại Định của Đức Phật bền chắc như dầu sơn, sơn vào cây; thiền định của người khác như hoa nổi trên nước chẳng dùng được lâu. Lại thiền-định của Phật trong vô lượng kiếp thứ lớp lần thành cho nên được đầy đủ. Lại thiền-định của Như-Lai chẳng đợi các trợ duyên hoặc người hoặc xứ, hoặc nói pháp mới thành tựu, còn các người khác thì chẳng phải như vậy. Lại nữa, định của Như-Lai thường thâm tu tập như người tự giữ hằng nhớ chẳng quên. Đức Phật khi vào thiền-định chẳng gắng tâm lực; lại như người ở tại bản xứ tự nói tiếng mẹ đẻ dễ dàng không khó, Phật ở trong Định cũng vậy. Cho nên nói Như-Lai thường ở trong Tam-muội. Lại các pháp như mừng chẳng hạn hay phá hoại thiền-định, Phật đều khéo dứt hết.

Lại nữa, quả báo trong Định, đã lâu được tự tại thần thông rất là cao tột; dùng mọi như-ý-thông với trong một niệm năng vượt qua mười phương vô-lượng thế giới, tất cả việc tùy ý thì hành liền xong. Với các phép biến hóa, tự tại vô ngại Tâm năng đầy khắp tất cả các pháp. Kìa những chúng sinh làm sao kịp được. Lại Đức Phật trọn nên Pháp Thánh-Tự-Tại, nên với trong đáng vui mà sinh trưởng chẳng vui, với trong chẳng vui năng sinh trưởng vui, và với trong vui và chẳng vui năng sinh trưởng bình thường.

Hỏi: Với trong chẳng vui có thể sinh trưởng bình thường, chớ làm sao trong đó lại năng sinh trưởng vui?

Đáp: Vì khéo tu tâm nên với trong pháp chẳng vui như ác khẩu chẳng hạn, chẳng bị chướng ngại. Với trong các thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha-tâm-thông, túc-mạng-thông cũng không bị ngại, vì Định-lực, vậy nên thần thông vô ngại. Với các thiền-định thông đạt rõ ràng, kìa các chúng sanh kia chẳng nghe được cái tên, huống là chứng đến. Duy Đức Như-Lai ra vào thiền-định không bị ngăn ngại. Và thiền-định của Phật gọi là Lực (như phẩm

thập-lực sẽ nói nhiều), người khác không có. Vậy nên Đức Như-Lai Định phẩm đầy đủ.

3- Huệ phẩm đầy đủ: Có hai thứ Vô-minh: một chương thiên-định; hai khởi phiền-não, Như-Lai đều dứt, vì dứt pháp trái nhau nên huệ-phẩm đầy đủ. Lại được pháp tự-nhiên, chẳng theo học với kẻ khác mà khéo lời lẽ, khéo biết nghĩa-thứ biện-tài bất-tuyệt, trí-huệ không cùng; còn chúng-sinh đối với cái tài khéo ấy chẳng hay đầy đủ, duy Đức Phật biết hết không thiếu chút nào. Vậy nên Như-Lai Huệ phẩm đầy đủ. Lại nữa, Đức Phật thuyết ra pháp, hay nơi nghĩa-thứ; các kẻ tiểu trí có nói ra lời gì, không thể không lỗi, duy có Như-Lai nói ra không sai. Nên biết Như-Lai Huệ phẩm đầy đủ. Lại còn vô-lượng công-đức thành-tựu trí-huệ nữa nên được đầy đủ. Lại nói pháp màu-nhiệm không sai lầm, như pháp bất-tịnh-quán để phá trừ dâm-dục chẳng hạn. Lại trí-huệ thù-thắng nên oai-nghi cũng thù-thắng. Bởi các duyên có ấy nên biết huệ-phẩm đầy đủ.

4- Giải-thoát phẩm đầy đủ: Với hai thứ Vô minh, tâm đều giải thoát không còn tập khí hẳn chẳng thối lui. Như thế gọi là giải thoát đầy đủ.

5- Giải thoát tri-kiến đầy đủ: Năng đối với trong tất cả đạo-dứt-gút mỗi niệm đều biết, như người chặt cây, tay cầm cán búa, bên có người trí thấy biết cán búa mòn hết. Đức Phật cũng vậy với trí dứt-gút gút bị dứt mòn từng niệm đều phân biệt biết. Lại biết trong tâm tâm chúng sanh ưa nghĩ những gì, đúng như ý nó muốn, thuyết pháp giáo hóa khiến được giải thoát. Vậy nên năng đối chúng sinh trong đạo giải thoát, biết thấy đầy đủ. Lại nữa, Đức Phật Thế-Tôn biết thời cơ mà nói pháp, như đối với các ông Phạm-Chí, Những-Cù-Lô vậy. Lại Đức Như-Lai khéo biết các pháp sai khác, nên vì người này nói pháp như vậy. Như Phật bảo ông A-Nan nên vì Xa-Nặc nói kinh Ly-hữu-vô. Vậy nên Như-Lai khéo biết giải thoát. Lại khéo đem phương tiện dứt lỗi cho chúng sinh, như vì Ngài Nan-Đà lấy dục dứt dục. Lại Phật biết trước tín-tân các căn của chúng-sinh đã thuần-thục rồi sau mới nói pháp, như trường hợp Ngài La-Hầu-La. Lại có chúng-sinh bị nghiệp chướng chẳng được giải thoát, Phật năng khiến dứt hết, nhiên hậu nói pháp. Lại có chúng-sinh đợi thời mới hết tội, như trong kinh phụ-phụ nói. Lại có chúng sinh đợi người mới hết tội, như Ngài Xá-Lợi-Phất đợi ông A-Thuyết-Kỳ. Lại có chúng sinh đợi xứ mới hết

tội, như Ngài Phóng-Nguru-Nan-Đà đọi người thân nhân A-Da-Đà. Lại có chúng-sinh đọi gặp chân thân của Phật; Lại có kẻ đọi gặp hóa thân mới được hết lỗi. Đức Phật đều phân-biệt rồi vì nói pháp, khiến được giải-thoát.

Đức Phật nói nhiều Pháp mầu nhiệm, năng phá tất cả nghiệp chướng, vì là pháp giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến đầy đủ. Lại nữa, Phật nói pháp lành hay nơi nghĩa thú, chẳng nói điều phi nghĩa và việc không quả-báo. Và Phật thứ lớp nói đạo giải thoát, giống như bài học toán pháp, vậy nên dễ hiểu. Lại nữa, Phật biết chúng sinh đời trước đã trồng căn lành mới thứ lớp nói pháp, và Phật hiện chứng được giải thoát mà vì người nói pháp chứ chẳng phải theo người học hỏi. Lại nữa, Phật pháp đầy đủ nhiều phương pháp hay ho, như người dùng nhiều món thuốc đầy đủ chữa lành các bệnh, Phật-pháp cũng thế, lấy các trị môn diệt trừ tất cả phiền não như người dùng cửa tường, để trị các tội lỗi lớn nhỏ, mà nó không thể phản hại lại được, cho nên hay đầy đủ phá trừ các phiền não. Lại nữa, Đức Phật dùng phương tiện cao tột tế độ chúng sinh, hoặc dùng lời nói êm dịu, hoặc lời khắc khổ, hoặc có khi dùng cả lời êm dịu và khắc khổ. Vậy nên Đức Như-Lai giải thoát tri kiến đầy đủ.

PHẨM THẬP LỰC THỨ 2

Lại nữa, Đức Phật trọn nên mười lực nên trí huệ đầy đủ. Bởi nhân duyên đi về nên nói có mười lực. Trước tiên là thị-xứ phi-xứ lực, là trí quyết định trong nhân quả vậy: biết từ nguyên nhân này sinh ra quả báo như vậy: chẳng sinh quả như kia, như làm điều chẳng lành, chắc bị khổ báo, chẳng sinh báo vui. Gọi là xứ, là có việc như vậy; gọi là phi xứ là không có việc như vậy; Món lực trước tiên là gốc của các món lực sau.

Hỏi: Người đời cũng biết nhân quả của thị-xứ phi-xứ như do bấp sanh bấp, chẳng sanh lúa đậu?

Đáp: Cái biết của thị-xứ phi-xứ lực này là biết các pháp nghiệp nhân nên gọi món lực này là thăm sâu thứ nhất. Chứ cái biết của trời, người đời làm sao kịp được. Lại rõ biết sanh pháp nhân nhau có thứ lớp giúp cho thêm lên, vậy nên món lực này gọi là vi diệu nghĩa là biết các nghiệp nhân và các quả báo của ba đời. Biết xứ, biết sự, biết nhân, biết báo, vậy nên trí biết này gọi là lực. Biết xứ-sự-nhân-báo cả ba đời nên gọi là thăm sâu. Tại vì sao? Hoặc có người bảo quá khứ và vị lai không có pháp gì cả, nên Đức

Phật với lỗi chấp àn rất là hữu lực. Lại ở đời quá khứ vị lai tuy không hiện tướng, Phật vẫn hiện biết.

Lại nữa, nghiệp có hai thứ: lành và chẳng lành. Hoặc cso nghiệp lành mà hiện bị khổ, như vì trì giuói mà bị các khổ não; hoặc có nghiệp tội mà hiện nay được hưởng vui, như vì phá giới mà được tự tại; Bởi đó nên có kẻ sanh nghi cho là đời vị lai e cũng trái ngược như hiện tại. Vậy nên Như-Lai kể nghiệp nói thọ. Thọ pháp có bốn thứ: Có hiện khổ sau vui; đều biết rõ biết xứ-sự nhân-báo. Xứ tức là kẻ lãnh thọ; sự tức là vật thí; nhân, tức là tâm người thí. Như trong kinh nói: “Trước tâm hoan hỷ, chính lúc thí tâm thanh tịnh, thí xong không ăn năn.” Nghiệp này được quả, gọi đó là báo. Duy Đức Phật năng biết nghiệp này nhiều ít hoặc quyết định, chẳng quyết định, quả báo đời hiện, quả báo đời sau, quả báo sau đời sau nên các việc đều biết hết không còn nên gọi là Lực. Đức Phật đối với các pháp thiên-định giải thoát chánh-định đẳng-trì; biết cấu, biết trụ, biết tăng, và biết tịnh. Với trong các nghĩa này, thiên là bốn cõi thiên, bốn cõi vô-sắc định, tức là các hành nghiệp của cõi sắc và cõi vô-sắc, Còn giải thoát là tám món giải thoát. Năng tận nghiệp này là thiên-định cõi vô-sắc và tám món giải thoát, gọi là chánh-định. Được dụng của chánh-định này hiện tại đều gọi là tam-ma-bạt-đề tức là đẳng-trì. Tam-ma-bạt-đề phân biệt có bốn thứ: tùy cấu, tùy trụ, tùy tăng và tùy tịnh. Biết cấu là tùy cấu định; biết trụ là tùy trụ định; biết tăng là tùy tăng định; biết tịnh là tùy đạt định. Tùy đạt định là hết thảy Noãn, Đảnh bốn pháp gia-hạnh. Phật đối với các pháp này đều hiểu biết cùng tột, nên gọi là Lực. Đức Phật rõ biết cả căn lành lợi hoặc độn căn của chúng sinh. Tín tấn các căn thù thắng thì gọi là lành lợi, như các Đức Phật, Bồ tát; độn độn chẳng sánh kịp, như xà-nô chẳng hạn. Chẳng có trung-căn, vì chẳng nhứt định được. Lợi căn chẳng có ngần mé như các đức Phật; độn căn cũng có ngần mé như xà-nô; còn trung-căn thời không ngần mé nên chẳng nói trung-căn.

Lại nữa, có hai chủng đạo: tín-hành và pháp-hành. Lại có hai chủng-đạo nữa: nan-đạo và dị-đạo, khác với hai đạo này thì gọi là trung. Quán người lợi độn tức là bực trung. Lại nữa, tùy chỗ sở thích nên căn cơ có sai khác. Thích tín-căn nên gọi là tín. Phần nhiều người có trí huệ các căn đều thù thắng bởi chỗ sở thích nên gọi hòa-già-lợi là tín-căn thù thắng. Các căn như vậy, Đức Phật thấy đều biết hết, cho nên gọi là Lực. Đức Phật biết chúng sinh đều

có chỗ sở-lạc, lạc gọi là dục, như người sở lạc vui thù tạc thí muốn vui thù tạc. Phật tùy theo chỗ sở lạc mà biết từng món một nghĩa là chúng sanh ấy muốn vui muốn nơi năm món dục, hoặc vui tu đạo. Biết như thế rồi tùy cơ nghi mà nói pháp, năng quảng độ tất cả chúng sinh. Đức Phật biết người đời có vô lượng chủng tính vì chúng sinh lâu tập chỗ sở lạc thời tính quen, như Điều-Đạt chẳng hạn đời đời hủy bán Phật, ác tâm càng sâu, gọi là ác tính. Thiện tính cũng vậy. Hoặc có chúng sinh từ tính sinh khởi muốn, hoặc duyên lấy hiện tại mà sinh khởi. Đức Như-Lai đều khéo biết chỗ sở lạc và tính quen của nói, nên gọi là Lực.

Đức Phật biết tất cả chỗ chí-xứ đạo: Biết nó đi dđ này sẽ sanh vào cõi địa ngục, cho đến sanh lên trời; biết nó đường này được đến NIẾT-BÀN. Những hành nghiệp này đều từ gốc dục tính phát sinh. Nghiệp nhân hữu lậu nên sinh trong năm đạo, nghiệp nhân vô lậu thì được đến NIẾT-BÀN. Trước chỉ nói đạo, giờ đây mới nói đến quả của đạo. Và trước nói tổng tướng, giờ đây nói biệt tướng; có nghiệp như thế được đến Niết-Bàn, đến địa ngục cũng có sai khác: nghiệp này sẽ đọa vào hoạt-địa ngục, nghiệp này sẽ đọa vào hắc-thăng địa ngục. Vậy nên Đức Phật trong món Lực thứ bảy biết nghiệp rất nhỏ nhiệm, còn các người khác thì dù biết cũng không thể phân biệt được. Nên gọi đó là Lực. Đức Phật biết nghiệp quả đời quá khứ như vậy gọi là túc-mạng trí-lực. Lại Phật xác biết chỗ tu đạo chúng sinh đời trước, rồi mới nói pháp, cho nên túc-mạng-thông cũng gọi là trí-lực. Lại nữa, Đức Phật chẳng những nhớ biết chỗ sanh xứ của mình trong đời quá khứ hoặc tại cõi sắc hoặc tại cõi vô sắc mà còn biết cả của chúng sinh nữa, nên gọi là Lực. Đức Phật đem thiên-nhân trí xem thấy ba cõi nối nhau trong đời vị lại; rồi biết ba món nghiệp nhân, bốn món thọ pháp, rồi cũng vì đây mà dự thuyết trước rõ biết không ngăn ngại, nên gọi là Lực. Và Đức Phật đem trí lực lậu tận biết chẳng nối nhau: Chúng sanh mạng chết, hoặc có nối nhau, hoặc chẳng nối nhau. Món lực này đều làm cho tất cả chúng sinh đến chỗ đạo lực, nói chung là Niết-Bàn.

Nay trong thập lực này rộng phân biệt nói rõ, Phật biết nhân, cấu, tịnh nên có mười Lực. Chúng được chín món trước thì trọn nên trí-đức. Chúng được món thứ mười thì trọn nên đoạn-đức. Trí-đoạn đều đầy đru nên gọi là Thế-Tôn, được trời người kính trọng.

PHẨM TỨ VÔ ÚY THỨ 3

Đức Phật trọn nên bốn món không khiếp sợ, cho nên đáng lễ. Bốn món không khiếp sợ là đức Như-Lai chứng được Nhất-thiết-trí, nhất thiết lậu-tận, năng nói chướng đạo và đạo hết khổ. Trong bốn pháp này, nếu có người đến nạn vấn đúng như pháp thì Ta không chỗ e sợ gì cả. Món ban đầu là Nhất-thiết-trí mà cũng là chín món Lực trước. Món thứ hai là Đoạn, tức là món Lực thứ mười, là Trí-Đoạn đầy đủ. Đức Như-Lai tự mình đã đầy đủ công đức, còn hai món vô úy sau là khiến người đầy đủ. Đức Phật nói pháp chướng ngại là thật chướng ngại, chỗ gọi là bất thiện hoặc thiện mà còn hữu lậu, vì bị ngăn pháp giải thoát gọi là chướng ngại. Vì muốn lia chướng ngại nói pháp xuất-đạo.

Hỏi: Như ông vừa nói các món Lực tức là vô úy. Vậy thì Lực và vô úy có sai khác chi không?

Đáp: Trí gọi là Lực. Vì nhờ Lực này nên mới có sức kham thọ, thì gọi là vô úy. Có những người ngu si không biết hổ trên nên cũng có nhiều kham thọ. Kham thọ của Như-Lai từ trí huệ mà sanh. Và cũng nhờ trí huệ nên chẳng sợ kẻ khác nên gọi là vô úy. Tại vì sao? Vì hoặc có người tuy có trí mà còn khiếp sợ, nên gọi trí là Lực. Và vì năng nói được, nên trí này gọi là vô-sở-úy. Tại vì sao? Vì có người tuy biết mà chẳng hơn người khác được. Lại nữa, trí này vô tận, nên gọi là Lực. Biện tài vô tận, nên gọi là vô úy. Lại nữa, nói ra có nghĩa thú, nên gọi là Lực. Nói ra tự tại, nên gọi là vô úy. Và nhân gọi là Lực, quả gọi là vô-úy vì từ trong trí sanh ra vô úy vậy. Lại như có người xưa nay khiếp nhược, về sau được chút trí huệ liền vô úy hưởng chi Đức Thế Tôn, từ kiếp lâu xa đến nay tâm trí rộng lớn, và chứng được Nhất-Thiết-Trí mà còn sợ ai? Lại nữa, có người không thể hơn người ta được, nên phải sợ hãi; không có một người nào mà Phật chẳng hơn, cho nên không sợ. Lại có kẻ luận giả, khéo hay lời lẽ, cũng khéo hay nghĩa thú, thì không e sợ, kẻ ấy tức Phật vậy. Vì chứng được Nhất-thiết-trí, nên khéo nơi nghĩa thú; chứng được vô-ngại-biện, nên khéo nơi lời lẽ. Lại có người gặp việc vì bất lực mà sanh sợ hãi. Đức Như-Lai đã chứng Nhất-thiết-trí nên đối với tất cả việc, không có bất lực. Tất cả kinh thơ luận nghị thấy đều thông đạt vấn đáp rõ ràng, nên không chỗ sợ. Lại nữa có người bị hèn kém về gia tộc, về họ hàng, về sắc thân về giới đức, và về đa-văn trí-huệ nên bị đòi chê bai. Đức Như-Lai với các điều kể trên đều không chút kém khuyết, vậy

nên không sợ. Và như có kẻ luận giả đúng như pháp mà luận thì không ai phá hoại được, kẻ ấy tức là Đức Phật đấy. Như ông Bà-la-môn A-Thức-La thừa Đức Thế Tôn rằng: “Đúng như pháp mà luận, thì khó hơn phá, thuận đạo mà luận, nghĩ lường mà luận, hữu nhân mà luận cũng lại như vậy”. Lại nữa nếu có người trọn nên bốn món luận pháp cũng khó hơn khó phá: 1- Trụ chánh chấp; 2- Thọ nhân và phi nhân; 3- Năng thọ thí dụ; 4- Trụ trong luận pháp. Phật đủ bốn món này, nên chư thiên và người không ai hơn nổi, cho nên không sợ. Lại nữa, kẻ chẳng học thầy giỏi mà luận nghị thời dễ bị phá hư. Như-Lai ngày xưa từng ở chỗ Đức Phật Định Quang và vô lượng các Đức Phật khác tu tập luận pháp, nên không thể phá hoại được. Lại nữa, Phật nói có hai Đê: Thế đế và đệ-nhất-nghĩa đế, cho nên kẻ trí cũng không thể phá hoại được; kẻ phàm phu vô trí thì Phật chẳng cãi lộn với họ. Lại Phật chẳng cùng với người đời tranh cãi nhau: người đời bảo có, Phật cũng nói có, mà họ nói không, thì Phật cũng nói không, vậy nên tránh được sự tranh cãi. Vì không tranh cãi, nên không phá hoại được. Lại nữa, luận nghị có hai thứ: một là chân-thật-luận; hai là đua dọc luận, các ngoại đạo phần nhiều là đua dọc luận, Phật chân-thật-luận, cho nên không thể phá hoại được. Lại trong Phật-pháp hành chánh thanh tịnh. Hành chánh thanh tịnh là nhân hết khổ. Luận của các ngoại đạo có nhân tương-tợ, không có chánh-nhân nên chẳng được đắc thắng. Lại Phật kinh thanh tịnh, nói ra nghĩa thú chẳng trái thật tướng, chẳng những tùy theo lời nói mà còn tự tâm rõ biết nữa. Như trong kinh Phật bảo Tỳ-kheo: “Các người chẳng những tin nơi lời nói của ta mà còn phải tự biết thấy tự thân tu chứng nữa”. Và một chỗ khác Phật nói thêm: “Người đến các kẻ không đua dọc, như Ta sớm mai vì người nói Pháp khiến chiêu được Đạo; hay chiêu vì nói pháp khiến sáng sớm được Đạo! Lại nữa, nếu người đối với pháp có chỗ chẳng thông, liền ngưng chẳng nên nói bướng, dù có nói ra chắc bị phá hoại. Đức Phật không chỗ nào chẳng thông đạt, nên được vô úy. Lại Như-Lai được các trí vô ngại, với tất cả pháp, không pháp nào chẳng thông đạt, nên không bị sợ. Còn những kẻ tiểu trí chẳng biết chỗ biết của đại nhân; ngược lại đại nhân năng biết tiểu trí. Phật là đáng cao cả nhất của chúng sinh, có thể biết tiểu luận, nên không bị sợ. Lại luận của các ngoại đạo chỉ nhân chỗ thấy mà khởi; Phật biết thấy ấy từ các duyên mà sanh, và biết tập, biết diệt, biết vị, biết quả và biết xuất.

Các ngoại đạo không thể biết hết được, nên mới sanh tranh luận. Phật dùng Nhất-thiết-chủng-trí biết tất cả các pháp, năng phá hoại tất cả luận, mà chẳng bị tất cả các luận phá lại, nên không bị sợ. Bởi các duyên do như thế nên Lục và Vô-úy nghĩa có sai khác.

Hỏi: Phật đối với các pháp đều không bị sợ, mà sao chỉ nói bốn món vô úy ư?

Đáp: Nói bốn món là đã gồm nói tất cả vô úy. Tại vì sao? Vì hai món vô úy trước là tự nói Trí-đức và Đoạn-đức về phần mình; hai món vô úy sau là vì người khác nói pháp chướng đạo, nói đạo hết khổ, cũng là trí-đoạn nữa. Thầy và trò trí-đoạn đầy đủ, nên gồm nói: Nhất-thiết vô úy.

Hỏi: Vì sao chúng sinh nghi Phật chẳng phải Nhất-thiết-trí-nhân?

Đáp: Lời Phật nói ra, có khi có những lời tợ như chẳng phải Nhất-thiết-trí-nhân; Như Phật hỏi: “Người từ đâu đến đây” Có những việc như vậy thấy. Lại như trong kinh nói: “Có người đi vào trong thành đô, làng xóm rồi họ hỏi tên các nơi ấy. Ta chẳng cho kẻ ấy là Nhất-thiết-trí”. Có kẻ nghe kinh này nói thế, mới nghi Phật chẳng phải bậc Nhất-thiết-trí-nhân. Và có khi Phật nói ra in như còn tham lam, như trong kinh nói: “Phật nói, Hay thay! Tỳ-kheo đến đây, người với thân này là được đại lợi. Tùy thuận pháp Ta là Ta vui mừng”. Còn có những lời in tuồng giận dữ như Phật bảo ông Điều-Đạt rằng: “Người là thứ người chết... là người ăn đồ khạc nhổ của người khác...” Lại còn có những lời in tuồng kiêu ngạo: Như Phật tự nói: “Ta là sư tử trong loài người vì ta trọn nên thập lực, từ vô-sở úy, nên đối với đại chúng ta rống tiếng Sư tử”. Và có lời nói in như kiến chấp, như nói: “Khéo tu trì pháp Ta như người bung bát dầu”. Và bảo với ông Điều-Đạt: “Ta chẳng đem chúng Tăng giao cho Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên hưởng chi giao cho người:”. Vì thế nên có kẻ tiểu trí nghe các lời nói ấy vội bảo Như-Lai chưa hết lỗi.

Lại nữa, Phật nói các món Dục là thứ chướng đạo, mà có người thọ Dục cũng vẫn được đạo. Và trong Luật chế ra pháp ngăn chặn, mà có người hủy hoại pháp ấy cũng vẫn được đạo. Cũng vì vậy mà kẻ tiểu trí nghi Phật chẳng biết chướng pháp. Lại có kẻ tu đạo mà vẫn có tội lỗi, nên kẻ tiểu trí nghi bảo tu Thánh đạo mà không thể hết tội, tội đã chẳng hết làm sao hết khổ? Vậy Như-Lai với bốn pháp này nói không bị sợ.

Hỏi: Đã bị các nghi như trên, làm sao sẽ dứt cho được?

Đáp: Đây là những lời Đức Phật tùy theo lời nói thế tục, vì người đời có việc họ đã biết mà vẫn hỏi han chẳng cho thế là lỗi. Phật cũng như vậy, vì còn ở trong thế gian nên tùy theo thế tục mà hỏi. Và người đời cũng có kẻ trong lòng mình không tham lam mà nói ra lời nói in tuồng có tham lam, có những trường hợp như vậy. Phật cũng như, vì muốn lợi cho chúng sinh nên hiện ra có những lời nói như thế. Hoặc nói: Dục chẳng phải chướng pháp. Như-Lai nói dục thật là chướng pháp, nếu Dục còn ở nơi tâm thì không tu đạo được, cần trước trừ Dục đã, nhiên hậu mới đắc đạo, Hoặc kẻ tuy phạm pháp ngăn cũng vẫn đắc đạo, phá pháp thật ngăn, chắc không đắc đạo. Nếu chẳng phải thật tội vì trọng duyên nên Phật tự cho trở lại, chứ chẳng phá hoại pháp ngăn. Hoặc nói kẻ tu đạo cũng còn tội. Thánh đạo năng phá trừ tất cả tội lỗi, vì chưa đầy đủ nên chẳng hay phá hết ví như tính của dầu tô có thể chữa được bệnh nóng, mà vì uống ít nên chẳng lành bệnh. Tu đạo cũng vậy nên không có lỗi.

Đức Như-Lai đầy đủ trọn nên bốn món không bị e sợ, vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM THẬP HIỆU THỨ 4

Lại nữa, trong kinh nói: Như-Lai có mười đức hiệu: Như-Lai, Ứng-cúng, Chánh-Biến Tri, Minh-Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự, Thiên-Nhân-Sư, và Phật Thế-Tôn. Như Lai: Là nương đạo như Thật đến thành quả chánh giác, nên gọi là Như Lai. Có nói ra điều gì đều đúng sự thật chẳng luống dối, như Phật hỏi A-Nan: “Như-Lai nói ra có hai lời chẳng? Dạ thưa Thế Tôn không”. Cho nên gọi như-thuyết. Lại nữa Như-Lai từ đêm đắc đạo cho đến đêm Niết-Bàn, trong thời gian ấy, có nói ra lời gì đều chân thật chẳng phá hoại được, nên gọi là như-thuyết. Lại đem Nhất-thiết-Chủng-Trí để biết ngăn mé trước sau, rồi sau mới nói, nên nói ra đều chân thật. Lại các Đức Phật Thế-Tôn nghĩ nhớ bền chắc không bị quên mất. Có người hoặc đem trí so sánh hay theo trong kinh sách mới nói năng được, hoặc có sự việc hiện tại chẳng khéo thấy mà nói năng; Người này nói ra là hoặc đắc hoặc thất; như trong kinh nói: “Kẻ tỷ-trí nói ra hoặc đắc hoặc thất”. Phật với các pháp hiện biết rồi mới nói vậy nên lời nói đều không phá được, nên gọi là thật-thuyết. Lại Phật nói ra điều nói thật nghĩa, chẳng phải như các người nói ra có thật có hư, nên

chẳng phá được. Và lời nói hợp thời như trong kinh nói: Phật biết chúng sinh tâm nó vui chi thích gì rồi nói đạo pháp. “Nên gọi như-thuyết”. Và với kẻ đáng vì nói, liền nói ngay, như trong kinh Khán-thức-già đã nói. Lại chỗ nên nói pháp liền vì nói ngay, chỗ gọi hoặc hẹp, hoặc nói rộng các môn âm-nhập, vậy nên nói ra đều là chân-thật.

Lại nữa, có hai món pháp ngữ: một y thế-đế, hai y đệ-nhất-nghĩa-đế. Như-Lai y hai đế này mà thuyết pháp, nên nói ra đều thật. Lại Phật chẳng nói thế-đế, là đệ-nhất-nghĩa-đế, cũng chẳng nói đệ-nhất-nghĩa-đế là thế-đế, vậy nên lời nói của đôi bên đều chẳng trái nhau. Lại nữa, Như-Lai nói pháp hoặc đóng, hoặc mở cũng chẳng trái khác nhau. Tùy theo việc mà đóng tức việc này chẳng mở, tùy theo việc mà mở tức việc này chẳng đóng, vậy nên lời nói đều chẳng trái nhau. Lại có Ba món pháp ngữ: một từ kiến sanh, hai từ mạn sanh, ba từ giả danh sanh. Phật không có hai món ngữ trước, đối với món thứ ba thanh tịnh không nhiễm. Lại có bốn món pháp ngữ: kiến, văn, giác, tri. Phật với bốn lời nói này đều thanh tịnh tâm không tham đắm. Lại có năm món pháp ngữ: quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất-khả-thuyết. Năm món ngữ này, Phật đều thông suốt rõ ràng, biết rồi nhiên hậu mới nói, nên gọi như thuyết. Năng như thuyết cho nên gọi là Như-Lai. Bởi vì hết phiền não, mới được pháp này, các món tham, sân si là cội gốc của vọng ngữ, diệt hết các tội này, vậy nên Ứng-Cúng. Lại nữa Như-Lai nói pháp ứng-cúng là pháp diệt tội, do chánh trí mà sinh, đem trí huệ của chánh quán các pháp vô thường, khổ, không ... nên mới diệt hết các phiền não. Nhờ chánh trí mới sinh pháp ứng cúng. Pháp chánh trí này từ minh - hành mà sinh gần, trước mé sau và chẳng tương tục khéo thông suốt, nên đượ gọi là chánh tối. Tận ôu rốt ráo các pháp bố thí, trì giới nên gọi là minh-hành-tối. Các người khác cũng ở trong vô thầy sinh ôu tu các pháp bố thí, trì giới mà không có chánh hành nên chẳng gọi là Thiện-thệ. Phật có cánh đạo tu áo thí, trì giới các hạnh nên gọi là Thiện-thệ. Được năm pháp này công đức của Như-Lai về phần mình đầy đủ. Được chánh trí nên năng biết tất cả tâm niệm người đời, "Hết sở niệm rồi mới vì nói pháp, nên gọi Vô Thượng Sĩ. Những kẻ đáng điều phục chế ngự không một kẻ nào chẳng được điều phục. Đã được điều phục hẳn không còn bại hoại nữa. Kẻ được điều phục chính là người trời. Nên gọi là Thiên-nhân-sur. Hoặc có kẻ sinh nghi: Đức

Như-Lai sinh trong Nhân đạo mà làm sao có thể giáo hóa trên Thiên đạo được? Cho nên Đức Phật đã nói: “Ta là bậc Thầy của trời”. Đức Phật khi ngồi nơi đạo tràng, trừ giác ngộ vô minh, chứng được Nhất-thiết-trí, lãng nhiên đại ngộ tất cả các pháp: Quá khứ, vị lai, hiện tri, các pháp hữu vi vô vi, hữu lậu vô tận hoặc thô hoặc tế thấy đều giác ngộ, nên gọi là Giác giả.

Như vậy chín món công-đức đã đầy đủ là đáng cao cả trong ba đời mười phương thế giới nên gọi là Thế-Tôn.

Mười Hiệu của Phật đầy đủ: là tự thân mình đầy đủ. Khiến người khác cũng đầy đủ; lợi mình lợi người, cho nên đáng kính lễ.

PHẨM TAM BÁT HỘ THỨ 5

Ba nghiệp thân khẩu ý của Đức Phật chẳng cần gìn giữ. Tại vì sao? Vì ba nghiệp ấy của Phật không có bất tịnh, muốn khiến kẻ khác chẳng thấy chẳng biết. Lại các người khác hoặc có khi vô ký, in như ba nghiệp thân khẩu ý có bất tịnh nên bị kẻ trí chê cười, Phật không có như vậy, Tại vì sao? Vì tất cả ba nghiệp ấy của Như-Lai đều bởi trí huệ và chánh nhớ nghĩ mà sanh khởi. Còn những kẻ tiểu trí bị vọng niệm không được nghiệp như vậy. Lại người đời hoặc vì vội vã mà bị lầm lời, Phật thì không có các việc như thế. Tại Phật khéo tu Thân giới tâm-huệ, các phép như vậy đều khéo tu nên tất cả nghiệp nhân bất thiện và tội bất thiện thấy đều trừ diệt. Lại nữa, Đức Thế Tôn từ kiếp lâu xa đến nay đã từng tu hành các thiện pháp chẳng phải mới đời này, vậy nên các nghiệp tính thanh tịnh chẳng còn gìn giữ. Lại Phật thường vui tu giới hạnh, chẳng phải lo sợ đọa ác đạo mà tu. Lại tất cả ba nghiệp thân khẩu ý của Phật đều làm lợi ích cho người nên không có bất thiện, vì không bất thiện nên không cần gìn giữ. Vì ba nghiệp thanh tịnh chẳng cần gìn giữ nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Đức Phật nên ba món niệm xứ, sữ dĩ đáng kính lễ. Mỗi khi thuyết pháp, thính giả có chăm lòng nghe, chẳng lấy làm mừng, hay chẳng chăm lòng nghe, cũng chẳng lấy làm buồn, vì thường tu xả tâm. Tại vì sao? Vì tập khí tham sân của Phật không còn chút mây. Và Phật biết các pháp rốt ráo là “không”, nên không mừng không buồn. Và Đức Phật khéo nhóm chứa lòng Đại bi nên đối với thiện hay bất thiện, lòng không vui buồn mà chỉ bình đẳng sinh khởi lòng Đại bi. Và Phật am hiểu tâm tánh của mỗi chúng sanh, hoặc khéo chăm nghe, chẳng lấy làm mừng, mà chẳng khéo chăm nghe, cũng chẳng lấy làm buồn, vì bản tánh nó vậy, nên

thường tu xả tâm, lại tâm của Phật bền chắc in như chôn đại địa, bót vật nặng chẳng cao lên, hay thêm vật nặng cũng chẳng thấp xuống; còn tâm của kẻ phàm phu như cái cân, thêm chút là thấp xuống, mà bớt chút thì cao lên. Lạy Phật Thế Tôn gọi là đáng Đại bi, vậy nên người tròi đều nên kính lễ.

Lại Phật bỏ vui trong cảnh thiên-định nhiệm mầu mà vì người nói pháp. Bi tâm của kẻ khác không thành xong việc gì; lòng Đại bi của Thế Tôn năng cứu chúng sinh, nên gọi là hữu quả. Và cũng nhờ Tâm đại bi mà thành tựu được đạo vô thượng chớ chẳng phải trợ duyên nào khác nữa. Lại nữa, Phật không có ngã tâm hành thiếu dục tri túc rất là số một. Cũng do tâm đại bi nên tự khen thân mình. Và tánh Đức Phật nhu hòa, mà cũng vì tâm đại bi nên mới có những lời khỏ thiết khởi ra đại phương tiện, chịu các điều cần khổ vì độ chúng sinh vậy. Và vì lòng đại bi của Phật độ chúng sinh nên mới xuất hiện ở trong thế gian mà lãnh lấy chiếc thân năm ấm như thỏi sắt nóng, trong chừng giây lát chẳng khá chịu nổi. Lại Phật thế Tôn khéo tu xả tâm, rồi bỏ xả tâm thọ đạigf tu đại bi tâm, nên được mọi loài tôn kính. Lại Phật là Người lành trong đám người lành. Tại vì sao? Vì mình được đại lợi rồi làm cho người khác cũng được đại lợi, lời mình lợi người, nên gọi người lành lại Phật là kẻ bạn lành chân thiện của chúng sinh, như trong kinh nói: “Ta là thật bạn lành quen biết của chúng sinh và là kẻ thương xót, kẻ lợi ích...” Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn là một đồng nhóm các công đức như tinh tấn bố thí... chính như ông Hòa Lợi trưởng giả dùng một trăm câu kệ khen Phật là doc các công đức này. Vậy nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Đức Phật tự nói của mình, như trong kinh Tăng nhất A-Hàm (phẩm Như-Lai Phật tự nói: “Ta là Sư tử trong loài người, là người đẹp như hoa, là người hùng như voi là đệ nhất Samôn mà cũng là đệ nhất trong đám Bà-la-môn, và là vua trong các vị Thánh, là vì hành vi không còn sai lầm, là chẳng tùy theo khổ vui, chính là thân Ta, vậy,”

Hỏi: Bởi có chi mà Phật tự khen thân mình? Kẻ nào tự khen thân mình là tướng của người ngu.

Đáp: Đức Thế Tôn chẳng cầu danh lợi mà chỉ vì kẻ khác? Khác tự khen thân mình. Và Phật không có ngã, vì muôn lợi cho kẻ khác nên tự khen không lỗi. VÀ cũng bởi nhân duyên mà tự khen ít nhiều vậy thôi, chớ với công-đức của Phật không hề nòa

khen nói hết được cho nên chẳng đọa vào tướng người ngu, vì chẳng tự cao vậy. Lại như trong kinh Thanh tịnh, Ngài Xá-Lợi-Phất đứng trước Phật mà ngợi khen công đức của Phật. Vậy nên đáng kính lễ.

Và các hạnh thiếu dục tri túc và vô lượng công đức đều tập trung nơi thân Phật, tại vì sao? Vì Phật nhóm họp các công đức đầy đủ. Bởi các duyên do này nên đáng kính lễ.

LUẬN PHÁP BẢO

TRƯỚC PHẨM TAM THIÊN THỨ 6

Hỏi: Trước ông có nói nên lễ Pháp bảo. Mà Pháp bảo có công-đức gì nên đáng kính lễ.

Đáp: Đức Phật tự khen nói: “Pháp ta nói ra trước, giữa, sau đều thiện” nghĩa thiện, ngữ thiện, độc pháp cụ túc, thanh tịnh điều nhu, tùy thuận phạm hạnh. Trước giữa sau đều thiện là Phật pháp không thời nào chẳng thiện; Với thiếu thời, tráng thời, lão thời, ba thời đều thiện; Vào thời, hành thời, và xuất thời cũng đều thiện. Và trước là ngăn ác, giữa là xả phước báo và sau tất cả đều xả, vậy nên gọi là tam thiện. Lại ba thời Phật thường thuận thuyết chánh pháp chẳng xen phi pháp như các ngoại đạo. Và ba thời trước giữa sau Phật thường vì chỗ ưa vui kẻ trí mà thuyết. Và trong ba thời tất cả pháp đều thâm sâu, chẳng như kinh khác trước to, giữa nhỏ, sau chỉ còn chút xíu. Bởi các lẽ ấy nên gọi là Tam Thiên. Nghĩa thiện: là nghĩa Phật pháp có lắm lợi ích: được lợi đời này và đời sau, và lợi xuất thế đạo, chẳng phải như ngoại điển nguyện cầu tăng thêm thiên nhân. Ngữ thiện: là tùy theo phương ngôn tục ngữ năng tỏ ra chánh nghĩa, nên gọi là ngữ thiện. Tại vì sao? Vì kết quả lời nói chính là nghĩa vậy. Vậy nên có bấy nhiêu lời nói ra là để năng thành xong nghĩa lý, nên gọi là ngữ thiện. Lại nữa, cái quý của Phật-pháp là đúng như nói mà làm, chứ chẳng phải quý ở lời nói suông, vậy nên tùy theo phương ngôn tục ngữ, năng khiến được đạo, thì gọi là ngữ thiện. Chẳng như ngoại điển, chỉ quý lời nói; hoặc thất lời nói hoặc thất âm thanh là kẻ luận chủ bị tội. Lại nữa khéo nói chân đế gọi là nghĩa thiện, khéo nói thế đế gọi là ngữ thiện. Độc pháp: là Phật chỉ nói chánh pháp nhờ chẳng vì vui luận nói chuyện đời xưa và cũng xen nói pháp và phi pháp. Và độc pháp: là Phật chỉ vì vô dư Niết-Bàn nên nói lại độc nhất là Phật năng thuyết, cho nên gọi là Độc pháp.

Hỏi: Có kinh Thanh-Văn bộ, chỉ có Thanh Văn mới được nói. Còn các kinh khác nữa do các Thiên-thần nói, sao ông nói độc nhất Phật nói?

Đáp: Cội gốc của các kinh ấy đều từ Phật mà ra, nghĩa là các Thanh-văn và Thiên Thần đều là những kẻ truyền đạt lời Đức Phật. Như trong luật tạng nói: “Phật-pháp gọi là Phật sở thuyết.” Những lời Đức tử Phật nói ra và các vị biến hóa và các chư thiên nói ra, tóm tắt mà nói: Tất cả trong thế gian có bấy nhiêu lời nói khéo hay đều là lời Phật nói nên gọi là Độc Pháp. Cụ túc: là pháp Đức Phật nói ra không có giảm bớt, như trong kinh Uất-đà-la-già nói tương cụ túc. Và Phật-pháp chẳng đợi các kinh mới được thành tựu, như kinh Hòa-già-la-na đợi năm kinh nhiên hậu mới được thành tựu. Phật-pháp chẳng phải như vậy, với trong một bài kệ vẫn đầy đủ ý nghĩa, như nói: chớ làm các ác, vâng làm các lành; tự sạch tâm ý, là các Phật dạy. Nên gọi là Cụ túc.

Thanh tịnh điều nhu: Có hai món thanh tịnh, nên gọi là thanh tịnh điều nhu: lời thanh tịnh gọi là thanh tịnh, nghĩa thanh tịnh gọi là điều nhu. Và Phật cho đối trong nghĩa để riêng lời tùy nghĩa; đối trong chánh ngữ để riêng nghĩa tùy ngữ chánh, chẳng phải như ngoại đạo theo kinh mà lấy. Và trong Phật pháp, y pháp bất y nhân. Mà trong pháp cũng còn chọn lựa nữa: y kinh liễu nghĩa; chớ chẳng y kinh bất liễu nghĩa, ấy là tịnh pháp chẳng những cứ theo kinh. Và trong Phật-pháp có ba pháp ấn: tất cả vô ngã, các pháp hữu vi, niệm niệm vô thường; Tịch diệt Niết-Bàn, với ba pháp ấn này, các Luận giả không thể phá hoại được, vì là chân thật nên gọi là thanh-tịnh điều-nhu. Tùy-thuận phạm-hạnh: là Bát-chánh-đạo gọi là phạm-hạnh. Phạm là đạo Niết-Bàn, vì năng đến Niết-Bàn nên gọi là Phạm-hạnh.

Pháp-bảo trọn nên công-đức như thế, cho nên đáng kính lễ.

PHẠM CHỨNG PHÁP THỨ 7

Lại nữa, Phật tự khen rằng: “Pháp ta năng diệt, năng đến Niết-Bàn, năng sanh chánh trí năng khéo dẫn đường”. Năng-diệt: diệt tất các lửa tham, sân si các thứ phiền não nên gọi là năng diệt; như tu quán bất tịnh diệt được lửa dâm dục, như tu từ tâm, diệt được giận dữ, chẳng phải như ngoại đạo tu pháp đoạn-thực, cho nên gọi là năng diệt. Năng đến Niết-Bàn: đích rốt ráo Phật-pháp là chắc đến Niết-Bàn, chẳng phải như ngoại đạo an trụ trong hữu phần, hay say đắm các thiên-định. Và trong Phật-pháp nói tất cả

hữu vi pháp đều có tội lỗi nên không đáng khen ngợi, chẳng phải như Bà-la-môn khen ngợi Phạm-thiên, cho nên Phật-pháp năng đến Niết-Bàn. Năng sanh chánh trí: có bao nhiêu Phật-pháp đều vì Niết-Bàn; Vậy nên sinh chánh trí. Và trong Phật-pháp có quả chân trí, như từ văn huệ sanh tư huệ, từ tư huệ sanh tu huệ, nên gọi Phật pháp năng sanh chánh trí. Năng khéo dẫn đường: Phật-pháp, mình trước khéo thành, sau mới đem người khác an trú trong chánh pháp, nên gọi khéo dẫn. Lại nữa, Phật-pháp có 6 pháp: 1)Thiện thuyết, 2) Hiện báo, 3) Vô thời, 4) năng đem, 5) Đến nếm, 6) Trí giả tự tri.

Thiện thuyết: các pháp của Phật nói đúng như thật tướng của các pháp: như pháp bất thiện là nói tướng bất thiện, thiện là nói tướng thiện, gọi là thiện thuyết. Hiện báo: Phật pháp năng được quả báo hiện đời, như trong kinh nói: “Sơ mai thọ giáo, khiến chiêu đắc đạo; chiêu vì nói pháp sáng ngày đắc đạo”. Và hiện báo: như nói hiện được quả Sa-môn như trong kinh nói: hiện được cung kính danh tiếng, thiền định, thần thông các việc lợi ích. Lại nữa, Phật-pháp đều có nghĩa lý, nên gây được cung kính hiện đời, quả báo đời sau và quả báo Niết-Bàn; các pháp ngoại đạo không có nghĩa lý nên không được quả báo hiện tại và đời sau hưởng chi Niết-Bàn, cho nên gọi là hiện báo. Vô thời: Phật-pháp chẳng đợi ngày tháng năm nào hay tinh tú cát hung mới được tu đạo, hay ngày tháng năm nào đó chẳng được tu đạo. Chẳng phải như pháp của Bà-la-môn: sơ xuân Bà-la-môn lãnh thọ pháp lửa, cuối xuân giòng vua chúa lãnh thọ pháp lửa. Còn có hoặc đợi mặt trời mọc, hoặc chưa mọc mới cúng dường lửa. Như có kẻ thấy năm giống lúa đợi thời mới trồng, rồi bảo Phật pháp cũng phải như thế. Vậy nên nói Vô-thời. Như trong kinh nói: “Phật-pháp” dễ tu, đi đứng ngồi nằm không lúc nào chẳng tu được”. Năng đem: vì nhờ chánh hành nên có thể đem chúng sanh đến chỗ giải thoát, nên gọi là năng đem. Đến nếm: Phật-pháp cần phải tự thân làm chứng, chẳng phải chỉ theo người khác như Đức Phật bảo các Tỷ-kheo: “Các ngươi đừng chỉ tin lời Ta, mà phải tự suy nghĩ: pháp ấy nên tu hay pháp ấy chẳng nên tu”.chẳng phải như ngoại đạo bảo các đệ tử rằng: “Nên bỏ lối vấn đáp này, như người rửa sạch chẳng ưa bụi đất, phải như đũa điếc câm chỉ theo lời ta”. Cho nên gọi là nếm. Trí giả tự tri: Phật-pháp lợi ích, kẻ trí huệ mới có thể tin hiểu, còn pháp đoạn thực những đũa thô ngu tin vui, chớ kẻ trí chẳng chịu.

Dùng chánh trí huệ năng phá trừ phiền não; những pháp như thế kẻ trí mới hiểu. Tuy dùng vật thực đầy đủ nuôi thân mà nhất tâm tinh tấn tu trì, không nhiễm tham sân. Các việc như thế người trí hiện biết, như người lành bệnh tự nhiên biết được khỏi bệnh, như tướng nước lạnh chỉ kẻ uống mới biết. Lại nữa, hoặc có quá ngữ pháp: như nói tướng cứng của đất. Cứng lấy gì làm tướng? Không thể lấy lời nói đáp được, mà phải sờ mới biết. Cũng như có người mù từ trong bụng mẹ không thể bảo với họ những màu xanh vàng đỏ trắng được. Nếu người chưa thấm được khí vị Phật-pháp thì không thể đem thật nghĩa Phật-pháp mà bảo với họ được, vì là pháp tịch diệt vậy. Lại nữa, Phật-pháp khá tự chứng biết chứ chẳng khá đem chỗ đã chứng biết của mình mà trao cho người khác như vật của được. Như trong kinh Bà-la-diên Phật nói: “Ta không thể tự dứt nghi cho người để người có thể chứng pháp của Ta; nghi của người tự dứt lấy.” Lại nữa pháp ấy khi đến thân kẻ khác thì chẳng khá thấy được, như lửa đã truyền đi nơi khác. Lại kẻ phàm phu ngu nhân bị núi vô minh che ngăn nên chẳng tin pháp này, như Phật nhân ông A-Di-La-Việt Sa di nói thí dụ núi lớn. Cho nên gọi trí giả tự biết. Lại nữa, Phật-pháp thăm sâu, mở chỉ đây vẽ pháp nông cạn để dứt trừ hư vọng, lưu bố khắp người trời. Thăm sâu: Phật-pháp thăm sâu, vì chẳng biết nguyên nhân nên người đời phần nhiều chỉ thấy hiện quả; không thể biết nguyên nhân nên mới nói do Tự Tại Phạm Thiên các món tà nhân. Mười hai pháp nhân duyên thăm sâu nên khó hiểu. Người đời trí cạn đối với Phật pháp chẳng thâm tưởng được nên không thể thông suốt các pháp nhân duyên, cho đến mấy cộng cổ cũng do các nhân duyên. Suy nghĩ quan sát thì tướng nó càng thăm sâu. Như Phật đã nói: “Các pháp nhân duyên, việc này thăm sâu, ai hết lìa diệt, và chỗ Niết-Bàn, cũng là khó thấy.”

Hỏi: Nếu nhân duyên thăm sâu sao Ngài A-Nan sanh lòng nghĩ nông cạn?

Đáp: có ông Luận sư đã phê bình rằng: “Lời nói ấy không đúng; Ngài A-Nan là bậc đại đệ tử thông đạt pháp tướng làm sao lại nói pháp nhân duyên là nông cạn?” và hoặc đem tổng tướng mà quán sát pháp nhân duyên nên sanh tưởng nông cạn. Tại vì sao? Vì người ấy chẳng khéo phân biệt mà quán nghiệp phiền não vậy. Lại nữa, như người với việc sở học đã được rất ráo liền sanh lòng nghĩ cạn dễ, như khi được đại rí trở lại xem bài học ban đầu. Trái lại có

người trí huệ chưa thành tựu. Với pháp thâm sâu sanh nghĩ dễ dàng nông cạn. Lại nữa, vì Phật khéo thuyết pháp nên hoặc có chúng sinh nghe liền sanh nghĩ cho là cạn dễ. Lại Phật pháp đều “không” vì lý “không” này rất là thâm sâu nên Phật dùng nhiều món nhân duyên thí dụ tuyên nói nghĩa thời được dễ hiểu, trẻ con cũng hiểu được, như Sa di Tu-Đà-Da chẳng hạn. Lại nữa, Phật-pháp chắc chắn, nên trong các lời nói rất là chân thật, chẳng phải như những kinh Bà-la-đà-la-ma-diên chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa. Như ông Phạm-Chí Lô-Đề thưa với Đức Thế Tôn rằng: “Các Tỳ-kheo đôi trong pháp chân thật lợi ích tinh cần tu học thời được hết lậu.” Lại nữa, Phật-pháp vì làm lợi ích cho tất cả người đời nên mới nói chứ chẳng phải như Bà-la-môn nói: “Pháp Bà-la-môn chỉ có tự mình được đạo người khác không được.” Phật-pháp là pháp tôn trọng các vị Thiên Vương là những kẻ lung hưởng ngũ dục mà vẫn đến tín thọ. Vì những nhân duyên này, cho nên Pháp-bảo đáng kính lễ

PHẨM THẬP NHỊ BỘ KINH THỨ 8

Lại nữa, Phật-pháp phân chia có mười hai bộ: 1- Tu-Đà-La, 2- Kỳ-Dạ, 3- Hòa-già-La-Na, 4- Già-Đà, 5- Ưu-Đà-Na, 6- Ni-Đà-Na, 7- A-Ba-Đà-Na, 8- Y-Đế-Việt-Đa-Già, 9- Xà-Đà-Già, 10- Bộ Phật-Lược, 11- A-Phù-Đa-Đạt-Ma, 12- Ưu-Ba-Đề-Xá.

Tu-Đà-La: là những lời nói thẳng. Kỳ-Dạ: là dùng kệ tụng lại Tu-Đà-La, hoặc Phật tự nói, hoặc các đệ tử nói.

Hỏi: Tại sao phải dùng kệ tụng lại Tu-Đà-La làm chi?

Đáp: Muốn cho nghĩa lý kiên cố, như dùng dây khâu hoa thứ lớp kiên cố, và muốn trau dồi lời lẽ, khiến người ưa thích, như dùng lối rải hoa, hoặc đem hoa khâu để làm trang nghiêm. Lại nữa, nghĩa lý được vào trong kệ thời tóm tắt dễ hiểu. Hoặc có chúng sinh ưa nói thẳng, hoặc thích kệ tụng. Và trước nói thẳng pháp, sau dùng kệ tụng thời nghĩa lý rõ ràng khiến lòng tin kiên cố. Và nghĩa được vào trong kệ thời thứ lớp liên nhau rõ ràng dễ bề khen nói. Vậy nên phải cần nói kệ. Hoặc có người bảo: “Phật pháp chẳng nên tạo kệ vì giống lối ca vịnh.” Lời nói ấy không đúng, vì Phật-pháp cần nên tạo kệ. Tại vì sao? Vì Phật tự dùng kệ mà thuyết các sự nghĩa vậy. Như trong kinh nói: “Tất cả các lời đẹp đẽ trong thế gian đều do pháp Ta mà có.” Vậy nên dùng kệ tụng mới có lời đẹp đẽ. Hòa-già-la-na: là các kinh có giải nghĩa thì gọi là kinh hòa-già-la-na. Nếu có kinh không đáp không giải như Tứ Vô Ngại chẳng

hạn thì gọi là Tu-Đa-La, kinh có vấn đáp gọi là Hòa-già-la-na như nói có bốn hạng người: từ tối vào tối, từ tối vào sáng, từ sáng vào tối, từ sáng vào sáng. Hạng từ tối vào tối: như những người bản tiện mà còn gây ba ác nghiệp. Sẽ đọa vào ác đạo. Những kinh như thế gọi là Hòa-già-la-na.

Hỏi: Có sao Phật nói kinh không đáp không giải?

Đáp: Có kinh nghĩa lý thâm sâu, nghĩa của kinh này sẽ nói riêng trong phần A-Tỳ-Đàm, vậy nên chẳng giải. Hoặc có người nói: “Đức Phật nói kinh đều có giải nghĩa.” Nhưng vì kẻ kiết tập Pháp-bảo lựa kinh nào nghĩa thâm sâu để vào trong a-tỳ-đàm, như bởi hai nhóm người kiết tập trong hang và ngoài hang, trọn đêm giải nghĩa; nghĩa này nên ở trong nhóm kiết sử Già-Đà: là đệ nhị bộ thuyết. Kỳ-dạ: Kỳ-dạ là kệ. Kệ có hai thứ: một gọi là Già-đà, hai gọi là lộ-già. Lộ-già lại có hai thứ: một thuận phiên nào, hai bất thuận phiên nào. Bất thuận phiên nào là thuyết, ở trong kỳ-dạ gọi là già-đà. Trừ hai thứ kệ này, kỳ dư các kinh chẳng phải kệ gọi là Ưu-đà-na. Ni-đà-na: là những kinh nhân duyên. Tại vì sao? Vì các Đức Phật hay các bậc Hiền Thánh thuyết ra kinh pháp cần có nhân duyên. Nhân duyên của các kinh này hoặc ở trong Khế kinh, hoặc ở nơi khác, thì gọi là ni-đà-na. A-ba-đà-na là những thuyết có đầu đuôi thứ lớp như trong kinh nói: “Kẻ trí nói năng thời có thứ lớp có nghĩa có giải chẳng cho tán loạn.” thì gọi là A-ba-đà-na. Ý-đế-việt-đa-già: là kinh nhân duyên và kinh thứ lớp. Nếu hai kinh này ở quá khứ thì gọi là thì gọi là Y-đế-việt-đa-già, đời nhà Tần dịch: “Việc này đời quá khứ như vậy.” Xa-đà-già: Nhân việc hiện tại mà nói việc quá khứ, Như-Lai tuy nói việc đời vị lai, nhưng việc này đều nhân quá khứ và hiện nên chẳng nói riêng. Bệ-phật-lược: Là kinh Phật nói rộng thì gọi bệ-phật-lược. Có kẻ chẳng tin bảo: “Các bậc Đại Thánh, vì vui vắng lặng chẳng ưa ồn ào, chán tạp ngữ thế gian, vì muốn nhỏ các gốc ưa vui, nên chẳng ưa nói rộng”. Như trong kinh nói: “Có người chứng được Đạo, hơn hai tháng mới nói một lời.” Vì muốn dứt nghi này nên nói có kinh nói rộng rất nhiều ích cho kẻ khác vậy. Như nói Đức Như-Lai có hai lối thuyết pháp: một rộng hai hẹp; cố nhiên là rộng hơn hẹp kém. A-phù-đà-đạt-ma: là những kinh thuyết việc chưa từng có, như nói các việc lạ khi tiếp cận đại biến, thân lượng các chư Thiên; đại địa chấn động. Có kẻ chẳng tin các việc như vậy cho nên nói có kinh nói việc chưa từng có. Và thường hiện nghiệp quả báo, thế lực các pháp,

chẳng khá nghĩ bàn được vậy. Ưu-ba-đê-xá là như các Ngài đại Ca-Chiên-Diên là các bậc đại trí nhân rộng giải lời Phật. Có kẻ chẳng tin cho là chẳng phải Phật nói, Đức Phật vì những kẻ ấy cho nên nói có luận kinh. Kinh mà có luận thì nghĩa dễ hiểu.

Mười hai bộ kinh này gọi là Phật-pháp. Pháp bảo đầy đủ công đức như thế, vậy nên đáng kính lễ.

LUẬN TĂNG BẢO

TRƯỚC PHẨM THANH TỊNH THỨ 9

Hỏi: Trước ông nói nên kính lễ Tăng-bảo. Tại sao nên kính lễ.

Đáp: Ở nhiều nơi Phật tự khen ngợi Tăng. Tăng-bảo là giới phẩm thanh tịnh, định phẩm, huệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm đều thanh tịnh; nên thỉnh nên lễ, chấp tay cung kính cúng dường thời kẻ thí chủ năng được lợi ích, vì đó là đám ruộng cao tốt.

Giới phẩm thanh tịnh: Là các đệ tử Phật giữ giới không bị tì vết, cho đến bị lỗi nhỏ vẫn rất ô m lòng sợ hãi. Đệ tử Phật, chẳng phải vì cầu phước báo sanh về cõi người, trời, cũng chẳng phải lo sợ địa ngục, ngạ quỷ mà siêng năng giữ giới chỉ vì vui pháp lành, nên gọi là thanh tịnh. Lại nữa, giữ tịnh giới chẳng phải hạn cuộc theo thời tiết; chẳng như Bà-la-môn giữ giới sáu tháng, hay một đêm, cho đến trọn đời. Nên gọi là thanh tịnh. Và giữ tịnh giới: lìa hai bên, xa lìa vui ngũ dục và lìa khổ nơi thân. Nên gọi giới này Thánh ưa mến, mà giới này cũng được kẻ trí yêu chuộng. Lại bởi chăm lòng ngăn ác, chớ chẳng phải những lo sợ đời sau mà giữ giới cho nên gọi Tăng-bảo là giới phẩm thanh tịnh. Định phẩm thanh tịnh: Là nhờ thiên-định năng sinh chân trí nên gọi thanh tịnh. Huệ phẩm thanh tịnh: là nhờ huệ mới được hết phiền não, nên gọi thanh tịnh. Giải thoát thanh tịnh: Như được hết các phiền não chẳng chỉ năng ngăn phiền não, nên gọi giải thoát thanh tịnh. Giải thoát tri kiến thanh tịnh: Là đối với cá phiền não bị hết, được trí huệ nghĩa là hết ngã sanh, chớ chẳng phải hết phiền não mà nói hết ngã sanh. Đây là giải thoát tri kiến thanh tịnh. Nên thỉnh nên lễ nên cúng dường: Vì năng đầy đủ các công đức như thế cho nên cần cầu thỉnh kính lễ và cúng dường các bậc Phước Điền ấy; đối với trong đó mà trông cậy phước thì quả báo vô lượng, cho đến khi các Ngài vào Niết-Bàn vẫn không thể hết. Năng ích thí chủ: Là năng khiến công đức của thí chủ thêm ích, như ruộng tám công đức, tươi tốt

cho năm giống lúa chẳng cho hư hỏng, ruộng Tăng-bảo cũng vậy, vì trọn nên tám công đức nên năng khiến thí chủ trồng công đức được tăng thêm. Vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM PHÂN BIỆT HIỀN THÁNH THỨ 10

Hỏi: Do pháp gì nên gọi là Tăng?

Đáp: Do bốn hành, bốn đức, và giới, định, huệ các công đức thanh tịnh, nên gọi là Tăng. Bốn hành: Hành Tu-Đà-Hoàn, hành Tu-Đà-Hàm, hành A-Na-Hàm, hành A-La-Hán. Kẻ Tu-Đà-Hoàn có 3 hạng người: 1- Tùy tín hành, 2- Tùy pháp hành, 3- Tùy vô-tướng hành. Tín hành: Nếu người chưa được trí không vô ngã, vì tin Phật-pháp, theo lời Phật dạy mà tu thì gọi tín hành. Như trong kinh nói: “Ta đối việc này vì tin nên làm.” Nếu được chân trí thì chẳng những theo lòng tin mà làm. Như kinh nói: “Thấu biết chẳng có kẻ làm, chẳng có kẻ tin. :” Ấy là bậc Thượng nhân. Vậy nên phải biết chưa được chân-trí là Tùy-tín-hành.. Như trong kinh nói: “Nếu người đối với Pháp đem chút trí tuệ quan sát nhãn vui, gọi là tín hành. Vượt khỏi bậc phàm phu, nhưng chưa chứng được quả Tu-Đà-Hoàn, trong thời gian ấy chẳng may mạng chết, gọi là tín-hành.” Người này còn trong vương tự-huệ chánh quán các pháp tâm nhãn dục lạc, tuy chưa được trí không-vô-ngã mà có thể sanh tâm thế gian tự-nhãn-pháp. Từ đây trở đi gọi là vượt khỏi bậc phàm phu. Tại vì sao? (để qua sau sẽ nói rộng). Nếu không có tín tấn năm căn, thì người này còn ở ngoại phàm phu. Cũng người này lần hồi tu tập được Noãn, Đánh các pháp tức là tu huệ mà cựu danh vẫn còn nên cũng gọi là tín hành, vì quyết chẳng kịp người Pháp-hành vậy. Kinh này nên nói: Cần phải chứng được quả Tu-Đà-Hoàn, chứ chẳng nên nói chẳng may mạng chết. Tại vì sao? Vì kẻ tín hành hãy còn xa xôi vậy. Như ông Úc-Già trưởng giả cúng dường chúng Tăng, có vị Thiên-thần giới thiệu: Ngài này là A-La-Hán, Ngài này là hàng A-La-Hán cho đến Ngài này là Tu-Đà-Hoàn, Ngài này hành Tu-Đà-Hoàn. Nếu còn ở 15 tâm thời không có thể giới thiệu như vậy được. Phải biết kẻ hành Tu-Đà-Hoàn có gần có xa, gọi là Tín hành. Kẻ pháp hành: Người này được trí không vô ngã, mà còn ở trong pháp Noãn, Đánh, Nhãn, Thế-Đệ-Nhất, tùy thuận pháp hành tu các pháp không vô ngã thì gọi là pháp hành. Hia kẻ hành nhân này vào Thấy-Đế-Đạo, Thấy-Diệt-Đế nên gọi là vô-tướng-hành. Ba hạng người này là hành quả Tu-

Đà-Hoàn. Trong đạo thể tục vì không có dứt gút, nên không được gọi là Hành. Còn ba quả kia, việc này qua phần sau.

Tu-Đà-Hoàn: như trong kinh Phật nói: “Nếu người dứt được ba món gút: Thân kiến, nghi, giới thủ thì gọi là Tu-Đà-Hoàn, chẳng đọa ác đạo, chẳng được chánh trí, chỉ cùng cực đến bảy phen sanh tử là cùng”.

Hỏi: Nếu Tu-Đà-Hoàn nhờ thấy đạo lý chắc chắn nên các phiền não bị dứt đều hết, diệt được vô lượng khổ, như Địa-du kinh đã nói, mà đây có sao chỉ nói dứt ba món gút ư?

Đáp: Việc này qua sau sẽ nói rộng hơn. Nghĩa là Thân-kiến hết các món khác cũng hết theo, còn chẳng đọa vào ác đạo: ra sau, trong phần nghiệp-tụ cũng sẽ nói rộng. Chắc được chánh-trí: là người này được vào trong dòng pháp chắc đến Niết-Bàn, như cây trôi giữa sông Hằng lia tám nhân duyên chắc đến biển cả. Cùng cực bảy phen: Là người này ở trong bảy đời trí vô lậu thành thực, như giọt tinh huyết đầu tiên trong bào thai, cứ bảy ngày biến thành trạng thái khác. Lại như uống các vị dầu tô-lạc cực đến bảy ngày thời lành bệnh kiệt, và như giòng họ cũng chỉ hạn đến bảy đời. Lại như thân người bị rắn cắn vì sức của tứ đại chỉ đi được bảy bước và vì sức độc của nọc rắn nên chẳng đi được bước thứ tám. Và pháp dôi gạt cũng đến bảy đời. Lại như đến khi bảy mặt trời xuất hiện là thời kiếp cháy hết. Như vậy bảy đời chứa nhóm vô lậu đốt cháy hết phiền não. Và bởi lẽ của pháp ấy chỉ có bảy phen. Có Tu-Đà-Hoàn đời nay vào Niết-Bàn, có đời thứ hai thứ ba cực đến đời thứ bảy là cùng. Đây gọi là Tu-Đà-Hoàn. Hành Tu-Đà-Hàm: Các món gút bị dứt do suy nghĩ có chín phẩm. Nếu dứt một hai cho đến ba bốn năm, ấy là hành giả Tu-Đà-Hàm. Có người nói: “Chỉ đem một pháp Vô-ngại-đạo mà dứt.” Việc này chẳng trúng, vì trong kinh Phật nói phải đem vô lượng tâm mà dứt, như trong kinh Cán búa thí dụ đã nói, và hành giả Tu-Đà-Hàm còn có tên là gia-gia, là người này hoặc hai hoặc ba phen qua lại hoặc hiện thân này được vào Niết-Bàn. Đây là hành giả Tu-Đà-Hàm. Tu-Đà-Hàm: Chỉ còn đến nhân gian một phen là vào Niết-Bàn. Người này do suy nghĩ dứt được gút mỏng gọi là Tu-Đà-Hàm. Tu-Đà-Hàm, hoặc hiện thời đời này vào Niết-Bàn hành A-Na-Hàm. Nếu dứt được gút phẩm thứ bảy thứ tám, người này đều gọi là A-Na-Hàm. Dứt phẩm thứ tám gọi là Nhất-chủng. Kẻ hành A-Na-Hàm, hoặc có kẻ hiện đời này được liền vào Niết-Bàn. Lia hết chín phẩm gút của cõi Dục

nên được gọi là A-Na-Hàm. A-Na-Hàm này có tám thứ sai khác. Đã có kẻ nói: có kẻ do thân trung ám nhập diệt, có kẻ do sanh hữu nhập diệt, có kẻ có bất-hành nhập diệt, có kẻ hành nhập diệt, có kẻ thượng hành đến cõi trời Sắc-cửu-cánh nhập diệt, có kẻ chuyên-thế nhập diệt, có kẻ do hiện đời nhập diệt. Tùy theo căn cơ thượng, trung, hạ nên có sai khác.

Trung ám nhập diệt cũng có ba thứ căn cơ thượng, trung, hạ. Có vị A-Na-Hàm rất chán thế gian mà có chút chướng ngại nên hiện đời chẳng được nhập diệt, người này khi sống trong thân trung ám mới nhập diệt. Sanh hữu cũng có ba hạng là sanh diệt, hành diệt và bất hành diệt. Sanh diệt: là khi sanh rất nhàm lìa sanh-hữu liền vào Niết-Bàn, gọi là sanh diệt, vì căn cơ lanh lợi vậy. Hoặc có kẻ sanh xong, các pháp vô lậu đạo tự nhiên hiện tiền chẳng cần gia hạnh siêng tu mà vào Niết-Bàn, gọi là bất-hành-diệt, vì căn cơ bậc trung vậy. Hoặc có kẻ sanh xong rất sợ việc thọ thân, siêng tu hành đạo mới vào Niết-Bàn, gọi hành diệt vì căn cơ đần độn. Vậy thượng hành diệt cũng có ba hạng: Hoặc từ một chỗ mạng chung, đến một chỗ sanh, rồi bèn vào Niết-Bàn, gọi là lợi căn, Hoặc từ hai chỗ sanh gọi là Trung căn. Tất cả chỗ mạng chung, tất cả chỗ sanh, gọi là độn căn, Từ sơ thiên đến cõi trời Quảng-quả, gọi là quyết định. Đến cõi trời Quảng-quả rồi hoặc sanh về cõi trời Tịnh-cư; người này chẳng còn đến cõi vô-sắc-xú, kẻ này quyết chẳng sanh về cõi trời Tịnh cư, vì đấm vui định vậy. Chuyên-thế: Hoặc đời trước chứng được quả Tu-Đà-Hoàn, hay quả Tu-Đà-Hàm; về sau chuyển thân lại chứng được quả A-Na-Hàm: người này chẳng vào cõi sắc, cõi vô sắc. Hiện diệt: là kẻ lợi căn số một, liền hiện thân này được vào Niết-Bàn. Lại có hai hạng người: một là tín giải thoát, hai là kiến đắc, hai hạng này vì căn cơ có sai khác: Như kẻ học-nhân độn căn ở trong tư-duy-đạo gọi là tín-giải thoát. Lợi căn là kiến đắc. Hoặc A-Na-Hàm đủ tám pháp giải thoát gọi là thân chứng, các hạng này đều là kẻ A-La-Hán vì dứt gút đồng đều vậy. Nếu dứt sạch hết tất cả phiền não là A-La-Hán. A-La-Hán có 9 hạng: 1- Thoát tướng, 2- Thủ tướng, 3- Tử-tướng, 4- Trụ-tướng, 5- Khả-tán-tướng, 6- Bất hoại-tướng, 7- Huệ giải-thoát-tướng, 8- Cầu giải thoát-tướng, 9- Bất-thoái-tướng. Các bậc A-La-Hán này vì chứng được tín tấn các căn nên có sai khác nhau.

Kẻ rất độn căn là thoái-tướng: lui mất chánh định; vì lui chánh định nên vô lậu trí huệ không thể hiện tiền. Thủ tướng: là kẻ

có chút căn cơ khá hơn, hoặc gìn giữ được chánh định thì chẳng lui mất mà chẳng giữ được thì mất. Thoái-tướng: trước kia dầu có cố giữ cũng lui mất. Tử-tướng: kẻ này căn cơ lại khá hơn chút nữa; rất nhầm chán các quả báo, người này vì không thể được chánh định nên vô lậu trí huệ khó được hiện tiền, dầu được mừng rồi cũng mất, nên tự tìm lấy cái chết vậy. Trụ-tướng: Nếu được chánh định chẳng tiến chẳng lui gọi là Trụ-tướng. Ba hạng trước là ở trong thoái phần chánh định, còn trụ tướng này ở trong trụ phần chánh định. Khả-tấn-tướng: Nếu được chánh định thì bền chắc tăng thêm, người này tu ở trong tăng phần chánh định. Bất hoại tướng: Được chánh định rồi các nhân duyên không thể làm hư hoại; người này trụ ở đạt phần chánh định, vì trí huệ rất sắc bén nên khéo lấy tướng chánh định: vào, trụ khởi mà chẳng phá hoại. Bối diệt tận định nên có hai hạng, người chẳng được Định này gọi là Huệ giải thoát. Mà kẻ nào được định này gọi là câu giải thoát. Bất thoái tướng: Là những công đức được đều không lui mất, như trong kinh nói: Đức Phật bảo các Tỷ-kheo: nếu Đệ tử ta đem giường chõ Ta, Ta trước đã được, đều không lui mất.

Chín hạng như thế gọi là vô-học-nhân. Trước có 18 học-nhân và chín vô-học: Cộng 27 hạng gọi là tất cả ruộng Phước của thế gian.

Trong Tăng-bảo có đầy đủ công đức, vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM PHƯỚC ĐIỀN THỨ 11

Hỏi: Do những gì mà các Hiền Thánh này gọi là ruộng phước?

Đáp: Dứt hết tham, sân si và các thứ phiền não nên gọi ruộng phước. Như nói chẳng trừ bỏ thứ cỏ giống như lúa thì hại mạ lúa tốt. Vậy nên cúng thí người vô dục được quả báo lợi lớn. Lại người này tâm không, nên gọi ruộng phước. Tại vì sao? Vì không tướng nên các phiền não tham, sân si chẳng khởi được, chẳng sanh ác nghiệp. Lại các Hiền Thánh chứng được pháp bất tác nên gọi là ruộng phước. Lại các người này thiên định đã được thấy đều thanh tịnh, vì các phiền não lớn nhỏ đã hẵn lìa vậy. Và bỏ hết sự buồn vui nên gọi ruộng phước. Lại năng dứt trừ năm món trói buộc nơi tâm, nên tâm được thanh tịnh gọi là ruộng phước. Lại nữa, trọn nên ruộng tám công đức; và dùng bảy món định cụ khéo giữ nơi tâm; và năng tận diệt bảy món tệ lậu không còn các lầm lỗi; lại đầy đủ các giới hạnh, bảy tịnh pháp vậy. Lại được trọn nên

tám công đức của hạnh thiếu dục và tri túc. Và đã vượt qua bờ bên kia, và đang siêng năng cầu qua, nên gọi là ruộng phước. Như trong kinh nói: “Chỉ năng phát tâm muốn tu pháp lành hay được nhiều lợi ích”, hưởng chi tu hành ư? Các Hiền Thánh này thường tu pháp lành nên gọi ruộng phước. Như trong kinh nói: “Có kẻ thí chủ nào cúng vị Tỳ-kheo có trì giới, vị ấy lãnh cúng dường rồi vào chánh định vô lượng, kẻ thí chủ được phước vô lượng.” Trong chúng có kẻ vào các chánh định: vô-lượng, vô-tướng, vô-động năng khiến thí chủ được quả báo vô lượng, nên gọi ruộng phước. Lại như trong kinh nói: “Ba việc hòa hợp nên phước lớn.” Một là có lòng tin hai là vật thí, ba là ruộng phước. Với trong Chúng Tăng, người có nhiều công đức; đối với người có công đức ấy dễ sinh lòng tin. Lại nữa, cúng Chúng Tăng đủ chín nhân duyên nên được quả báo lớn, và cúng Chúng Tăng là vì kẻ thọ thanh tịnh nên kẻ thí chắc được thanh tịnh. Lại cúng thí có tám thứ: có tâm thanh tịnh, mà vật thí ít, ít thí cho kẻ phá giới; có tâm thanh tịnh, vật thí ít, nhiều thí cho kẻ phá giới; có tâm thanh tịnh, vật đem thí ít, nhiều thí cho kẻ phá giới; có tâm thanh tịnh vật thí ít, cũng ít thí cho kẻ trì giới; có tâm thanh tịnh, vật thí ít, cũng ít thí cho kẻ trì giới; có tâm thanh tịnh, nhiều thí bốn món cũng như vậy. Với trong Chúng Tăng mà cúng thí chắc được trọn nên hoặc hai hoặc ba; tất cả người lành đều nhờ Chúng Tăng mà tăng thêm công đức, nhiên hậu mới tùy ý nguyện hồi hướng Bồ-đề. Và nhờ đem vật thí Tăng này đều sẽ được quả giải thoát ở trong sanh tử quyết không thể hết. Lại đem thí Chúng Tăng đều vì trang nghiêm nơi tâm. Lại nữa, nếu đối với một vị Tăng sanh lòng tin thanh tịnh hoặc khi dễ hoại, mà đối với Chúng Tăng lòng tin thanh tịnh quyết chẳng hư hoại. Lại đối với một vị sanh lòng ái kính hoặc chẳng được rộng, mà đối với Chúng Tăng sanh lòng tin kính thời tâm được rộng lớn vì cảnh duyên nhiều vô lượng. Lại nữa, cúng thí vì muốn tất cả người vào Tăng số, vì tâm rộng lớn ấy nên được quả báo cũng lớn.

Do các lý do như trên nên các vị Hiền Thánh này gọi là ruộng phước. Vậy nên đáng kính lễ.

PHẨM CÁT TƯỜNG THỨ 12

Bởi Tam-bảo này có công-đức đầy đủ nên kinh trước nói. Lại nữa, ngôi Tam-bảo này với tất cả thế-gian là điềm an lành thứ nhất, như trong kệ Cát-tường sẽ nói. Phật, pháp và Chúng-Tăng gọi là rất an lành. Lại có các kinh lấy an lành làm tăng tuổi thọ

muôn năm cho kẻ mới học đạo được tiếng tăm đồn khác, đây là ý kiến của kẻ tác kinh, như dùng các chữ A-Đà trước đầu kinh, đây chẳng phải là tướng an-lành vậy. Qua sau sẽ nói rộng. Nếu người nào muốn cầu điềm rất an-lành thứ nhất chính là ngôi Tam-bảo vậy.

Vậy nên phải qui y. Như bài kệ Cát-Tường nói:

Phật là bậc Đại-giác,
Đấng Đạo-sư cao tốt,
Trong các cõi trời, người,
Gọi là rất an-lành
Nếu người đối với Phật,
Vững lòng tin chẳng động,
Phụng-trì-giới thanh-tịnh,
Gọi là rất an-lành.
Xa lìa người ngu-si
Gần gũi bậc hữu trí,
Kẻ đáng kính thời kính,
Ấy là rất an lành.

Vậy nên đáng kính lễ, vì ngôi Tam-bảo rất an lành cho nên kính. Tôi trước phải thuyết minh.

Thành-Thật luận hết quyển 1.